

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2021

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lý;
2. Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 699/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1993; trú tại: Đường Đ, xóm 8, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1980 – Luật sư Văn phòng Luật sư T và công sự thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Xuân H, sinh năm 1990; Trú Tại: Đường Đ, xóm 8, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Bà Lê Thị N và ông Lê Xuân H kết hôn với nhau từ năm 2013, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 2013 đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H nghiện ngập, không lo làm ăn, thường xuyên chửi bới, xúc phạm, hành hung bà N. Bà n và ông H đã không còn sống chung và đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà N xin được ly hôn với ông Lê Xuân H.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Khánh L, sinh ngày 30/5/2014 và cháu Lê Quốc Đ, sinh ngày 06/12/2015. Bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung. Bà N không yêu cầu ông Lê Xuân H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Xuân H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên ông H không chấp hành theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Ông H cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Lê Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Lê Xuân H kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2013, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Lê Thị N và ông Lê Xuân H chung sống hạnh phúc từ năm 2013 đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H nghiện ma túy, không lo làm ăn, thường xuyên chửi bới, xúc phạm bà N. Bà n và ông H đã không còn sống chung và đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Lê Xuân H.

Về con chung: Vợ chồng bà N, ông H có 02 con chung là cháu Lê Khánh L, sinh ngày 30/5/2014 và cháu Lê Quốc Đ, sinh ngày 06/12/2015. Cháu L và cháu Đ còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ và hiện đang sinh sống ổn định với bà

N nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giao 02 cháu Lê Khánh L và Lê Quốc Đ cho bà Lê Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Bà N hiện nay có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung nên bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị N và ông Lê Xuân H là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 19/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H nghiện ma túy, không lo làm ăn, thường xuyên chửi bới, xúc phạm bà N. Hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thu thập và căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81 luật hôn nhân gia đình 2014 nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị N khởi kiện bị đơn ông Lê Xuân H về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn ông Lê Xuân H có địa chỉ cư trú tại thị xã B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lê Thị N và ông Lê Xuân H kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2013, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, là hôn nhân hợp pháp.

Bà Lê Thị N và ông Lê Xuân H chung sống hạnh phúc từ năm 2013 đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H nghiện ma túy, không lo làm ăn, thường xuyên chửi bới, xúc phạm bà N. Do đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà N và ông H đã không còn sống chung và đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay gần 02 năm. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà N xin được ly hôn với ông Lê Xuân H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn ông H để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng ông H không đến. Điều này cho thấy rằng ông H đã không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn hôn nhân đã xảy ra trong một thời gian dài nhưng hai bên vẫn không hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị N được ly hôn với ông Lê Xuân H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Khánh L, sinh ngày 30/5/2014 và cháu Lê Quốc Đ, sinh ngày 06/12/2015. Xét cháu L và cháu Đ còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ và hiện đang sinh sống ổn định với bà N Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giao 02 cháu Lê Khánh L và Lê Quốc Đ cho bà Lê Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Bà N hiện nay có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, bà N cũng không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N đối với bị đơn ông Lê Xuân H về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Lê Xuân H.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Khánh L, sinh ngày 30/5/2014 và cháu Lê Quốc Đ, sinh ngày 06/12/2015 cho bà Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà N không yêu cầu ông Lê Xuân H cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, Toà án có thể quyết định thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0047968 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên

